

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 743/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 357/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2065/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4773/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 40/7 đường số 19, Phường 8, quận GV, Thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Nguyệt T, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3988 43RD Ter N, St Petersburg, FL 33714, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T đăng ký kết hôn ngày 01/12/1980 tại Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H, Việt Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/C3 ngày 01/12/1980. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng xuất cảnh đi định cư tại nước Mỹ (USA). Do cuộc sống tại nước Mỹ (USA) không phù hợp, sau khoảng 03 tháng ông Nguyễn Văn B trở về Việt Nam sinh sống, bà Phạm Thị Nguyệt T vẫn ở lại sinh sống tại nước Mỹ (USA). Trong thời gian qua, ông Nguyễn Văn B vẫn có nhiều lần qua lại nước Mỹ (USA) để thăm con nhưng không còn quan hệ vợ chồng với bà Phạm Thị Nguyệt T, từ cuối năm 2018 cho đến nay ông Nguyễn Văn B không còn liên lạc với bà Phạm Thị Nguyệt T. Nhận thấy điều kiện sống của vợ chồng mỗi người mỗi nơi, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Văn B yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Vân A, sinh năm 1981 và Nguyễn Phạm Đức L, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B trình bày không có.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T:

Tại văn bản ngày 29/10/2019 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/11/2019, bà Phạm Thị Nguyệt T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà Phạm Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Văn B rất hạnh phúc, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, bà Phạm Thị Nguyệt T vẫn còn tình cảm, yêu thương ông Nguyễn Văn B nên không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B cương quyết yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T.

Bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T hiện nay không còn chung sống với nhau, mỗi người sinh sống mỗi nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B đối với bà Phạm Thị Nguyệt T. Về con chung: 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Vân A, sinh năm 1981 và Nguyễn Phạm Đức L, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung ông Nguyễn Văn B trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T tại phiên tòa sơ thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài hợp lệ để thực hiện việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Phạm Thị Nguyệt T như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Phạm Thị Nguyệt T đã nhận, biết và đã có văn bản trình bày về các yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, bà Phạm Thị Nguyệt T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ Điều 227,

Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt bà Phạm Thị Nguyệt T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Văn B cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 17/C3 ngày 01/12/1980 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H, Việt Nam cấp cho ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Văn B yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T với lý do điều kiện sống của vợ chồng mỗi người mỗi nơi, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Đối với bà Phạm Thị Nguyệt T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà Phạm Thị Nguyệt T và ông Nguyễn Văn B không xảy ra mâu thuẫn, bà Phạm Thị Nguyệt T vẫn còn tình cảm, yêu thương ông Nguyễn Văn B. Xét thấy, hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T, mỗi người sinh sống mỗi nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T không còn tồn tại trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị Nguyệt T không còn có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Vân A, sinh năm 1981 và Nguyễn Phạm Đức L, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa sơ thẩm:

Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn B ly hôn bà Phạm Thị Nguyệt T.

2. *Về con chung*: Có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Phạm Vân A, sinh năm 1981 và Nguyễn Phạm Đức L, sinh năm 1990, đã trưởng thành.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013192 ngày 05/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo bản án*:

Ông Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị Nguyệt T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bà Phạm Thị Nguyệt Thu được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND Quận X, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức